

Tăng tỷ trọng

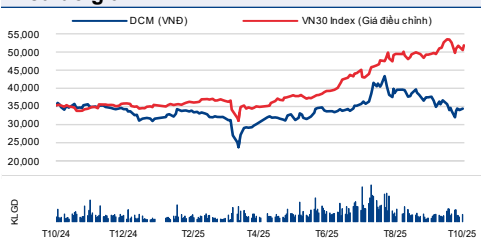
Giá mục tiêu: VNĐ47,800

Tiềm năng tăng/giảm: 37.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/10/2025)	34,800
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	23,801-43,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	34,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	18,423
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	700
Sig CP lưu hành (tr.đv)	529
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Sig CP NN được mua (tr.đv)	233
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.97%
Tỷ lệ freefloat	24.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	13,456	16,864	15,706
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,287	2,705	2,436
LNTT (tỷ đồng)	1,324	2,575	2,279
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,222	2,291	2,027
FCF (tỷ đồng)	(714)	2,530	1,143
EPS ĐC (đồng)	2,308	4,327	3,830
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,000
BVPS (đồng)	19,162	21,556	24,003
T.trưởng EBITDA (%)	(28.0)	110	(9.93)
T.trưởng EPS ĐC (%)	10.2	87.5	(11.5)
Tăng trưởng DPS (%)	0	(25.0)	(33.3)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	9.57	16.0	15.5
Tỷ suất LNTT (%)	9.84	15.3	14.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.08	13.6	12.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	86.6	34.7	26.1
Nợ thuần/VCSH (%)	(3.17)	(9.99)	(8.94)
ROAE (%)	12.2	21.3	16.8
ROACE (%)	9.36	19.6	15.5
EV/doanh thu (lần)	0.81	0.56	0.55
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.44	3.49	3.56
P/E ĐC (lần)	15.1	8.04	9.09
P/B (lần)	1.82	1.61	1.45
Lợi suất cổ tức (%)	5.75	4.31	2.87

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng

kim.thong@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2025: Lợi nhuận tăng mạnh nhưng thấp hơn kỳ vọng

- Lợi nhuận thuần Q3/2025 tăng 172,2% so với cùng kỳ đạt 328 tỷ đồng trên doanh thu thuần 2.988 tỷ đồng (tăng 13,4% so với cùng kỳ) nhờ chi phí khí đầu vào giảm. Lợi nhuận thuần thấp hơn nhiều so với kỳ vọng của HSC.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 1.544 tỷ đồng (tăng 49,2% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 12.432 tỷ đồng (tăng 34,5% so với cùng kỳ). Kết quả trên hoàn thành lần lượt 73,7% và 67,4% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 1 tháng qua, DCM đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 8,6 lần, thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2022. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

DCM công bố KQKD Q3/2025 vững chắc, với lợi nhuận thuần tăng mạnh 172,2% so với cùng kỳ lên 328 tỷ đồng trên doanh thu thuần 2.988 tỷ đồng (tăng 13,4% so với cùng kỳ). Trong khi doanh thu nhìn chung sát với dự báo, lợi nhuận thuần thấp hơn 31% so với kỳ vọng của HSC ở mức 480 tỷ đồng, có thể là do phân bón nhập khẩu (vốn có tỷ suất lợi nhuận thấp) có mức đóng góp vào doanh thu cao hơn dự kiến.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần tăng 49,2% so với cùng kỳ đạt 1.544 tỷ đồng trên doanh thu thuần 12.432 tỷ đồng (tăng 34,5% so với cùng kỳ), chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên 22,1% (so với mức 18,3% trong 9 tháng đầu năm 2024). Doanh thu thuần đạt 73,7% dự báo cả năm của chúng tôi và sát với dự báo, trong khi lợi nhuận thuần hoàn thành 67,4%, thấp hơn 10% so với dự báo.

Doanh thu Urê và phân bón nhập khẩu vẫn vững chắc

Trong Q3/2025:

- Urê: Doanh thu tăng 10,3% so với cùng kỳ đạt 1.376 tỷ đồng, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 8,6% lên 138.890 tấn và giá bán bình quân tăng khoảng 2% lên 9.900đ/kg.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025 & 9 tháng đầu năm 2025, DCM

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	2,634	2,988	13.4%	9,242	12,432	34.5%
Giá vốn hàng bán	(2,260)	(2,331)	3.2%	(7,547)	(9,688)	28.4%
Lợi nhuận gộp	375	657	75.2%	1,694	2,744	61.9%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	14.2%	22.0%		18.3%	22.1%	
Lợi nhuận tài chính	25	101	298%	246	270	9.6%
Chi phí QL&BH	(276)	(378)	37.1%	(1,020)	(1,291)	26.6%
Chi phí QL&BH / Doanh thu (%)	10.5%	12.7%		11.0%	10.4%	
Lợi nhuận thuần HĐKD	124	379	205.7%	921	1,723	87.1%
Lợi nhuận khác	8	(0)		191	17	-91.2%
LNTT	132	379	187.8%	1,112	1,740	56.4%
Lợi nhuận thuần	120	328	172.2%	1,035	1,544	49.2%

Nguồn: DCM

- NPK: Doanh thu giảm 34% so với cùng kỳ xuống 480 tỷ đồng, do sản lượng tiêu thụ thấp (giảm 10,4% so với cùng kỳ xuống 34.120 tấn) và giá bán bình quân suy yếu (giảm 7% so với cùng kỳ xuống khoảng 11.400đ/kg).
- Phân bón nhập khẩu: Doanh thu tăng 29% so với cùng kỳ đạt 1.125 tỷ đồng, nhờ giá bán bình quân tăng mạnh 45,7% so với cùng kỳ.

Trong 9 tháng đầu năm 2025:

- Urê: Doanh thu tăng 13,1% so với cùng kỳ lên 6.245 tỷ đồng, nhờ giá bán bình quân tăng 10% và sản lượng tiêu thụ tăng 2,7% lên 596.940 tấn.
- NPK: Doanh thu tăng mạnh 50,3% so với cùng kỳ lên 2.753 tỷ đồng, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 42,7% lên 164.150 tấn, trong khi giá bán bình quân nhìn chung ổn định.
- Phân bón nhập khẩu: Doanh thu tăng gấp đôi so với cùng kỳ lên 3.098 tỷ đồng, chủ yếu nhờ giá bán bình quân tăng 32,1% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, giá bán bình quân của phân bón nhập khẩu có xu hướng dao động thường xuyên do thay đổi trong cơ cấu sản phẩm, giá bán của các nhà cung cấp khác nhau và bối cảnh thị trường. Do đó, giá bán bình quân tăng không hẳn có thể giúp tỷ suất lợi nhuận cải thiện.

Lợi nhuận gộp cải thiện nhờ giá nhiên liệu đầu vào giảm và khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Lợi nhuận gộp tăng mạnh 75,2% so với cùng kỳ lên 657 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với mức tăng 13,4% (so với cùng kỳ) của doanh thu. Do đó, tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện mạnh lên 22% (từ 14,2% trong Q3/2024), chủ yếu do chi phí khí đầu vào thấp, giảm 19% so với cùng kỳ xuống khoảng 7,75 USD/mmbtu trong Q3/2025 (từ 9,61 USD/mmbtu trong Q3/2024). Chi phí khí đầu vào giảm là nhờ giá dầu Brent và dầu FO suy yếu (giảm lần lượt 13,5% và 11,8% so với cùng kỳ) và việc áp dụng chính sách khấu trừ thuế GTGT đầu vào 10% đối với chi phí khí đầu vào từ Q3/2025.

Xét theo phân khúc, tỷ suất lợi nhuận gộp của phân khúc Urê cải thiện mạnh lên 41% từ 20,6% trong Q3/2024, trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp của NPK giảm xuống 22,6% từ 27,4%. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng thương mại giảm xuống 5,5% từ 14,7% trong Q3/2024.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, tỷ suất lợi nhuận gộp tổng thể cải thiện lên 22,1% (từ 18,3% trong 9 tháng đầu năm 2024), chủ yếu nhờ sự mở rộng tỷ suất lợi nhuận của phân khúc Urê (36,7% so với 25,7%) và NPK (18,2% so với 16,1%), phần nào bù đắp cho sự sụt giảm tỷ suất lợi nhuận của phân bón nhập khẩu (5,2% so với 8,8%).

Lợi nhuận HĐ tài chính tăng cao hỗ trợ lợi nhuận

Lợi nhuận HĐ tài chính đạt 101 tỷ đồng, tăng 298% so với cùng kỳ, nhờ lãi tỷ giá thuần 44 tỷ đồng (so với lỗ tỷ giá thuần 21 tỷ đồng trong Q3/2024).

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận HĐ tài chính tăng 9,6% so với cùng kỳ đạt 270 tỷ đồng.

Xem xét lại giá mục tiêu, khuyến nghị và dự báo lợi nhuận

Do lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2025 thấp hơn 10% so với kỳ vọng, chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận.

Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 1 tháng qua, cổ phiếu đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 8,6 lần (dựa trên dự báo hiện tại), thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 10,2 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	12,571	13,456	16,864	15,706	15,819
Lợi nhuận gộp	2,032	2,513	4,165	3,755	3,771
Chi phí BH&QL	(1,349)	(1,495)	(1,869)	(1,736)	(1,744)
Thu nhập khác	22.5	1.12	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	705	1,019	2,297	2,020	2,027
Lãi vay thuần	550	305	278	259	261
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,255	1,324	2,575	2,279	2,288
Chi phí thuế TNDN	(145)	(94.1)	(270)	(239)	(240)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.25)	(8.35)	(13.8)	(12.2)	(12.3)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,109	1,222	2,291	2,027	2,036
Lợi nhuận thuần ĐC	1,109	1,222	2,291	2,027	2,036
EBITDA ĐC	1,788	1,287	2,705	2,436	2,454
EPS (đồng)	2,095	2,308	4,327	3,830	3,845
EPS ĐC (đồng)	2,095	2,308	4,327	3,830	3,845
DPS (đồng)	2,000	2,000	1,500	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	2,284	1,903	2,215	2,211	2,669
Đầu tư ngắn hạn	8,242	7,039	7,743	8,517	9,369
Phải thu khách hàng	366	529	479	538	577
Hàng tồn kho	2,161	2,950	2,467	3,165	3,186
Các tài sản ngắn hạn khác	452	500	463	498	497
Tổng tài sản ngắn hạn	13,504	12,921	13,367	14,929	16,298
TSCĐ hữu hình	1,338	2,172	2,018	1,860	1,698
TSCĐ vô hình	350	364	362	360	356
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	45.1	272	206	144	180
Tổng tài sản dài hạn	1,733	2,808	2,586	2,364	2,234
Tổng cộng tài sản	15,238	15,729	15,953	17,293	18,531
Nợ ngắn hạn	846	1,229	929	929	929
Phải trả người bán	1,989	1,612	1,450	1,562	1,465
Nợ ngắn hạn khác	1,585	1,556	997	919	924
Tổng nợ ngắn hạn	4,517	4,681	3,614	3,653	3,589
Nợ dài hạn	2.96	120	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	754	751	881	874	861
Tổng nợ dài hạn	757	871	881	874	861
Tổng nợ phải trả	5,275	5,552	4,495	4,527	4,450
Vốn chủ sở hữu	9,936	10,144	11,412	12,707	14,010
Lợi ích cổ đông thiểu số	27.6	32.8	46.6	58.9	71.1
Tổng vốn chủ sở hữu	9,963	10,177	11,459	12,766	14,081
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,238	15,729	15,953	17,293	18,531
BVPS (đ)	18,768	19,162	21,556	24,003	26,464
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(1,436)	(554)	(1,286)	(1,282)	(1,740)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	705	1,019	2,297	2,020	2,027
Khấu hao	(1,083)	(268)	(409)	(417)	(427)
Lãi vay thuần	550	305	278	259	261
Thuế TNDN đã nộp	(145)	(94.1)	(270)	(239)	(240)
Thay đổi vốn lưu động	963	(912)	524	(697)	(172)
Khác	(844)	(509)	(455)	(360)	(346)
LCT thuần từ HKKD	2,313	77.5	2,782	1,399	1,957
Đầu tư TS dài hạn	(544)	(791)	(253)	(256)	(260)
Góp vốn & đầu tư	(13,920)	(14,041)	(704)	(774)	(852)
Thanh lý	0	4.09	0	0	0
Khác	11,021	14,786	374	349	351
LCT thuần từ HĐĐT	(3,443)	(41.6)	(582)	(682)	(761)
Cổ tức trả cho CSH	(1,590)	(1,059)	(794)	(529)	(529)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	836	437	(1,094)	(191)	(209)
Khác	0	(2.91)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(754)	(625)	(1,888)	(721)	(739)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,126	2,284	1,903	2,215	2,211
LCT thuần trong kỳ	(1,884)	(589)	312	(3.63)	458
Ảnh hưởng của tỷ giá	2,043	208	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,284	1,903	2,215	2,211	2,669
Dòng tiền tự do	1,769	(714)	2,530	1,143	1,697

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	16.2	18.7	24.7	23.9	23.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.2	9.57	16.0	15.5	15.5
Tỷ suất LNT (%)	8.82	9.08	13.6	12.9	12.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.5	7.10	10.5	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	(21.1)	7.04	25.3	(6.87)	0.72
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(68.9)	(28.0)	110	(9.93)	0.73
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(74.3)	10.2	87.5	(11.5)	0.42
Tăng trưởng EPS (%)	(74.3)	10.2	87.5	(11.5)	0.42
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(74.3)	10.2	87.5	(11.5)	0.42
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	(25.0)	(33.3)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	95.5	86.6	34.7	26.1	26.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	10.8	12.2	21.3	16.8	15.2
ROACE (%)	6.41	9.36	19.6	15.5	14.2
Vòng quay tài sản (lần)	0.85	0.87	1.06	0.94	0.88
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	3.28	0.08	1.21	0.69	0.97
Số ngày tồn kho	74.8	98.4	70.9	96.7	96.5
Số ngày phải thu	12.7	17.6	13.8	16.4	17.5
Số ngày phải trả	68.9	53.8	41.7	47.7	44.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(14.2)	(3.17)	(9.99)	(8.94)	(11.1)
Nợ/tài sản (%)	5.72	10.1	6.74	6.22	6.02
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.49	1.23	0.40	0.44	0.45
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.99	2.76	3.70	4.09	4.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.70	0.81	0.56	0.55	0.47
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.91	8.44	3.49	3.56	3.01
P/E (lần)	16.6	15.1	8.04	9.09	9.05
P/E ĐC (lần)	16.6	15.1	8.04	9.09	9.05
P/B (lần)	1.85	1.82	1.61	1.45	1.32
Lợi suất cổ tức (%)	5.75	5.75	4.31	2.87	2.87

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn